

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: **001-V01/TPP-BNI/2024**

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM – CHI NHÁNH BẮC NINH

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0222 3 791689

Fax : 0222 3 791600

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880-002

Bản cam kết đảm bảo ATTP số: 001/2023/ATTP – CNCK; Ngày Cấp: 27/02/2023;

Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Tỉnh Bắc Ninh.

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **PHÔI NHỰA PET**
- Thành phần: Nhựa PET (Polyethylen terephthalate)
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: Theo tiêu chuẩn ký với khách hàng.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói vào bao PE, sau đó cho vào thùng carton hoặc theo yêu cầu khác của khách hàng.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
 - Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Sản xuất tại:
 - + Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (được mã hóa là Nhà máy Bắc Ninh).
Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Lương Xuân Cường





MẪU NHÃN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC NINH

Địa chỉ: Cụm CN Xuân Lâm, phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành,
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Tell: (0222) 3791 699 Fax: (0222) 3791 600

PHIẾU DÓNG GÓI SẢN PHẨM

Tên sản phẩm:..... Số lô:.....

Mã sản phẩm:..... Xuất xứ: Việt Nam

Thành phần:..... Định lượng:.....

NSX:...../...../..... Ca SX:..... Công nhân SX/dóng gói:.....

Thông số kỹ thuật: Theo tiêu chuẩn hoặc COA đính kèm. Nhân viên QC:.....

Thông tin cảnh báo:

- Bảo quản sản phẩm: ở điều kiện nhiệt độ 0 – 40^oC, đặt nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp.

KT3-00895AHD4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/03/2024
Page 01/03

1. Tên mẫu : **PHÔI NHỰA PET**
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description (xem hình trang 03/03/ see picture on page 03/03)
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 01/03/2024
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 04/03/2024 - 11/03/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC NINH**
Customer **Cụm Công Nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị Xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo
Test results *Refer to next pages*

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING /LAB.



Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung



KT3-00895AHD4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/03/2024
 Page 02/03

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (*)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>		ASTM E 1252 – 98 (2021)		Polyalkyl-terephthalate (**)	
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng antimon trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Antimony content in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	0,02	KPH/ND	≤ 0,05
7.7 Hàm lượng germani trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Germanium content in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	0,02	KPH/ND	≤ 0,1
7.8 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-00895AHD4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/03/2024
Page 03/03

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*

(**) Polyethyleneterephthalate thuộc nhóm polyalkylterephthalate.

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

**Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 08 trên tổng số 08 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-1 : 2011/BYT.

This testing reports recorded testing results of 08 per 08 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .